

Bản án số: 181/2019/HS-PT

Ngày: 21-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quân Vương;

- *Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Luông;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 11, 14, 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 187/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo Đặng Mỹ C. Do có kháng cáo của bị cáo Đặng Mỹ C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Mỹ C, sinh năm 1985 tại tỉnh Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn A, huyện B, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đức N và bà Nguyễn Kim Đ, chồng tên Tiết Minh S, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 01/11/2018 của Công an huyện B xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 10/4/2019). Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Mỹ C: Ông Nguyễn Văn H1 - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV T V thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 133, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 13 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Mỹ C là chị ruột của Đặng Diệu H. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 13/7/2018, H cùng bạn trai tên L (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến phòng trọ của C tại Ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương để ăn uống. Sau khi ăn uống xong, L lấy ma túy cùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy dùng lửa khò để C, H và L sử dụng. L hỏi C: “Ở đây có đứa nào chơi không chị chỉ cho em” thì C nói: “Chị cũng không biết nữa”. Sau đó, C ngủ tại phòng trọ còn H và L ra về.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 14/7/2018, Lê Văn M điều khiển xe mô tô biển số 69N1-43779 chở Phan Thanh T đi mua quà tặng sinh nhật bạn. Trên đường đi, M và T ghé vào cây xăng gần chợ L thuộc xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương để đổ xăng thì gặp Đặng Mỹ C cũng vào đổ xăng. Lúc này, M nói chuyện với C, M hỏi C còn sử dụng ma túy không, C trả lời còn chơi và nói với M nếu tối có sử dụng thì gọi cho C. Do M không sử dụng điện thoại nên M kêu T lưu số điện thoại của C để khi cần sử dụng ma túy thì gọi cho C để mua ma túy.

Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, khi dự tiệc sinh nhật của bạn xong, M điều khiển xe chở T đi đến phòng ở trọ của Đặng Mỹ C tại ấp 1, xã N, huyện B tìm C để mua ma túy sử dụng. Do C không ở phòng trọ nên M kêu T gọi cho C hỏi C đang ở đâu, C trả lời đang đi dự tiệc sinh nhật chưa về rồi C tắt điện thoại. Sau đó, M dùng điện thoại của T gọi lại cho C để hỏi mua ma túy. C nói để C gọi cho Đặng Diệu H đem ma túy đến và kêu M, T chờ. Khoảng 15 phút sau, H điều khiển xe mô tô hiệu Air Blade màu đỏ đen (chưa rõ biển số) đến phòng trọ của C. H hỏi M và T lấy bao nhiêu ma túy, T trả lời lấy 200.000 đồng dùng thử, H nói lấy 300.000 đồng mới bán nên M và T đồng ý mua 300.000 đồng. M hỏi H có dụng cụ sử dụng ma túy không, H nói có nên M nói sử dụng ở đây luôn đi, H lấy từ trong túi xách của H ra 01 cái “nỏ” (dụng cụ sử dụng ma túy) rồi cắm vào 01 bình nhựa và 01 tờ tiền mệnh giá 2000 đồng, bên trong tờ tiền có dán 01 bịch ny lon có chứa ma túy, M và T nhờ H bỏ ma túy vào dụng cụ sử dụng ma túy, H đồng ý nên lấy ma túy bỏ vào dụng cụ sử dụng ma túy rồi dùng lửa khò ma túy cho M, T và H sử dụng ma túy. Khi sử dụng ma túy xong, T kêu M trả tiền cho H, có gì T trả lại tiền cho M sau. Nghe T nói nên M lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa cho H để trả tiền mua ma túy và nhờ H mua giùm gói thuốc lá.

Khi M và T ở phòng trọ của C, T gọi điện thoại rủ Nguyễn Như Y sử dụng ma túy thì Y đồng ý. T lấy xe mô tô của M đi chở Y đến phòng trọ của C. Khi đến phòng trọ, Y vào phòng rồi dùng lửa khò ma túy còn dư trong bộ dụng cụ sử dụng ma túy để sử dụng. Thấy H lâu trở lại nên M kêu T điều khiển xe mô tô đi tìm H về để mua ma túy tiếp tục sử dụng. T gặp H, H đưa 01 gói thuốc lá hiệu Jet đem về cho M. Trên đường quay về phòng trọ của C, T gặp và rủ Trần Huỳnh Đ sử dụng ma túy thì Đ đồng ý nên điều khiển xe đi theo T về phòng trọ của C. M, T, Y và Đ rủ nhau hùn mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy sử dụng thì tất cả đồng ý. Khi H cùng L (không rõ nhân thân, lai lịch) đến, H đưa lại cho M số tiền 380.000 đồng. Lúc này, L hỏi lấy bao nhiêu ma túy, T trả lời lấy 400.000 đồng, L nói lấy 500.000 đồng được một góc tư nên M lấy thêm 100.000 đồng, tổng cộng 500.000 đồng. L đưa tiền cho H. H lấy từ trong giỏ xách ra 01 tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng đã xếp lại đưa cho M. M thấy bên trong tờ tiền

có kẹp 01 bìch ny lon có chứa ma túy thì M đưa cho T cất giữ. H nói đi đến quán Karaoke - Khách sạn Đồng Quê chơi rồi H khóa cửa phòng trọ lại cùng L điều khiển xe đi. Lúc này, Lý Thế A (Cò) điều khiển xe đi đến, M rủ Thế A sử dụng ma túy, M nói đã có ma túy nhưng chưa có dụng cụ sử dụng. Thế A hỏi M chơi ở đâu thì M nói đi đến quán Karaoke - Khách sạn Đồng Quê sử dụng ma túy. Thế A nói đi đông quá người ta không cho vào nên Thế A dẫn đường cùng Y, M, T, Đ đi đến phòng ở trọ của Mạc Trường G và Nguyễn Văn Th tại ấp 2, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương để sử dụng ma túy.

Khi Đ, M, T, Y, Thế A đến phòng ở trọ của G và Th thì mẹ của Đ đến gọi nên Đ ra về trước. Lúc này, G đang nằm trong phòng trọ nghe nhạc, Th ngồi phía trước phòng trọ chơi game. M, T, Y, Thế A đi vào phòng trọ nằm nói chuyện và nghe nhạc với G. Một lúc sau, Trần Chí Đ1 đến (do trước đó G điện thoại rủ Đ1 đến phòng của G để lấy thiệp mời sinh nhật), Đ1 vào phòng được một lúc thì Q, V, T3, T2 đến nhưng T3 không vào phòng trọ mà bỏ đi về. Khi vào phòng trọ, T2 lấy dụng cụ sử dụng ma túy để ra nền gạch phòng trọ, T lấy ma túy để bên cạnh bộ dụng cụ sử dụng ma túy, Thế A lấy túi ma túy bỏ vào dụng cụ sử dụng ma túy. Thấy ma túy đổ ra nền gạch, V gom lại bỏ vào ống hút bằng nhựa rồi hàn kín hai đầu lại dùng lửa khò ma túy cho M, T, Y, Thế A, Đ1, Q, T2 cùng V sử dụng. G đang ngồi trong phòng trọ được những người đang sử dụng ma túy rủ lại sử dụng ma túy và G đồng ý. Một lúc sau, Th ngưng chơi game trên điện thoại, đi vào phòng trọ để đi vệ sinh thì thấy G cùng những người trong phòng trọ đang sử dụng ma túy. Thấy Th đi vào thì những người đang sử dụng ma túy rủ Th lại sử dụng ma túy thì Th đồng ý. Khi M, T, Y, Thế A, Đ1, Q, T2, V, Th đang sử dụng ma túy, G đi ra bên ngoài phòng trọ sử dụng điện thoại thì bị Công an kiểm tra bắt quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số 430/MT-PC54 ngày 20/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1272 gam (M1) và 0,1285 gam (M2) (loại Methamphetamine). Hành vi của Lê Văn M, Phan Thanh T, Nguyễn Như Y, Trần Huỳnh Đ, Mạc Trường G, Nguyễn Văn Th; biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng đã giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Đối với Đặng Diệu H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã truy nã, tách vụ án, tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với người tên L đi chung với H bán ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Hành vi sử dụng chất ma túy của Lý Thế A, Lê Minh T2, Trần Chí Đ1, Nguyễn Anh Q, Nguyễn Vũ V đã bị Công an huyện B xử phạt hành chính.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đã giải quyết xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Đặng Mỹ C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Đặng Mỹ C 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 09/9/2019, bị cáo Đặng Minh C kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm (đơn kháng cáo trong thời hạn luật định).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Đặng Mỹ C đúng theo thời hạn luật định. Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ buộc tội bị cáo Đặng Mỹ C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với vai trò giúp sức cho cho Đặng Diệu H và tình tiết định khung tăng nặng “đối với 02 người” vì chưa làm rõ việc T liên lạc với C là để mua ma túy. Ngoài ra, trong quá trình thu thập chứng cứ vụ án của Cơ quan tiến hành tố tụng có vi phạm như thu thập lời khai Lê Văn M, Phan Thanh T, Đặng Mỹ C chưa cụ thể rõ ràng để làm rõ hành vi, ý thức hành vi phạm tội, không cho người mua T, M nhận dạng người bán C, Quyết định xử phạt hành chính không căn cứ vào biên bản vi phạm; chưa làm rõ số tiền mua bán ma túy, chưa xử lý đầy đủ hết các tài sản, giấy tờ thu giữ trong vụ án. Nhận thấy, cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Mỹ C trình bày:

* *Về thủ tục tố tụng:* Cơ quan điều tra đã có những vi phạm như sau: Việc giao nhận Quyết định khởi tố bị can, Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can cho Đặng Mỹ C vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 179 Bộ luật Tố tụng hình sự. Biên bản hỏi cung bị can vi phạm thành phần tham gia hỏi cung, thời gian hỏi cung, có dấu hiệu bị mớm cung nên không có giá trị pháp lý và không được làm căn cứ để giải quyết vụ án, trong khi đó, vụ án này chỉ có duy nhất 1 biên bản hỏi cung bị can. Việc nhận dạng không có sự tham gia của người chứng kiến, không đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Tố tụng hình sự. Cáo trạng xác định Lê Văn M, Phan Thanh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng mà phải đưa M, T tham gia tố tụng với người làm chứng. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo có nói lời nói sau cùng nhưng bản án cho rằng bị cáo không tranh luận, không nói lời nói sau cùng là không phản ánh đúng diễn biến phiên tòa. Ngoài ra, bản án sơ thẩm sơ thẩm chưa xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là sai.

* *Về nội dung vụ án:*

Đối với lần giao dịch thứ 1 giữa H với M, T: Trong vụ án mua bán ma túy, phải có đối tượng của giao dịch là ma túy, khối lượng là bao nhiêu? Loại ma túy gì? Tiền người mua trả cho người bán là bao nhiêu? Tuy nhiên, giao dịch lần 1 giữa H với M, T trong vụ án này cơ quan tố tụng không thu giữ được vật chứng, chưa xác định được số tiền người mua trả cho người bán là bao nhiêu?

Đối với lần giao dịch thứ 2: Cơ quan tố tụng thu giữ được vật chứng là ma túy. Tuy nhiên, không có vai trò giúp sức của C ở lần giao dịch này. C hoàn toàn không biết có giao dịch giữa H với M, T, Y, Đ, không có việc bàn bạc, thỏa thuận nào giữa C, H, M, T, Đ, Y. Việc mua bán, giao dịch là do H, M, T, Đ, Y tự thỏa thuận, tự thực hiện. Tại phiên tòa, bị cáo C khai không có việc hứa hẹn M, T về việc giúp mua ma túy; không có việc gọi điện thoại H về phòng trọ bán ma túy cho M, T, mà chỉ để rủ nhậu. Đây là tình tiết mới, mâu thuẫn với lời khai của C trước đó tại cơ quan điều tra. Tại phiên tòa C khai không gọi điện thoại cho H để bán ma túy. Như vậy, để đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, không oan sai thì cần thu thập, bổ sung các chứng cứ sau: Chứng cứ chứng minh về nội dung các cuộc gọi điện thoại giữa M, T (nếu có) với bị cáo C; chứng cứ chứng minh về nội dung các cuộc gọi điện thoại giữa C với H; lời khai của H về nội dung cuộc gọi điện thoại giữa C và H.

Do việc điều tra cấp sơ thẩm chưa đầy đủ, chưa đủ cơ sở kết tội đối với bị cáo Đặng Mỹ C, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự để hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo Đặng Mỹ C thống nhất với trình bày của người bào chữa và trong lời nói sau cùng, bị cáo cho rằng bị cáo điện thoại gọi H qua phòng trọ bị cáo chơi, ăn uống. M điện thoại rủ bị cáo nhậu, bị cáo gọi điện thoại cho H về nhậu trước với M và T. Bị cáo không điện thoại cho H để bán ma túy cho M và T, bị cáo không biết việc mua, bán ma túy giữa H với M và T. Bị cáo mong muốn Tòa án xem xét đúng sự thật cho bị cáo, bị cáo bị oan, bị cáo còn phải nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người bào chữa cho rằng Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm có một số vi phạm tố tụng như: Vi phạm trong việc tổng đạt, giao nhận Quyết định khởi tố bị can, Quyết định phê chuẩn Quyết định khởi tố bị can, vi phạm trong việc nhận dạng, vi phạm trong việc xác định tư cách tố tụng đối với M, T, bản án không thể hiện lời nói sau cùng của bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện Kiểm sát còn cho rằng Quyết định xử phạt hành chính không căn cứ vào biên bản vi phạm, chưa làm rõ số tiền mua bán ma túy. Xét thấy, ý kiến của người bào chữa và đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở nhưng Hội đồng xét xử xét thấy không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên tiếp tục xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Đối với ý kiến của Viện Kiểm sát còn cho rằng cấp sơ thẩm có sai sót khi không cho người mua T, M nhận dạng người bán C là không cần thiết vì lời khai của M, T, C trong quá trình điều tra là thống nhất với nhau về hành vi phạm tội, tại phiên tòa sơ thẩm có mặt M, T, C nên không phải tiến hành nhận dạng, đối chất giữa C với M, T.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Mỹ C không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ vào Bản tự khai (bút lục số 472) của bị cáo Đặng Mỹ C, các biên bản lấy lời khai của bị cáo Đặng Mỹ C (bút lục số 88, 89, 90, 297, 298,

449, 450, 468, 469, 470, 471); Bản tự khai (bút lục số 18) của Lê Văn M, các biên bản lấy lời khai của Lê Văn M (bút lục số 19, 217, 218, 219, 220, 221, 493, 494; Bản tự khai (bút lục số 24, 25) của Phan Thanh T, các biên bản lấy lời khai của Phan Thanh T (bút lục số 222, 223, 224, 225, 495, 496); lời khai của Lê Văn M, Phan Thanh T tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục số 602 đến 610); lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 14/7/2018, Đặng Mỹ C đã có hành vi sử dụng điện thoại gọi cho Đặng Diệu H (là em gái của Đặng Mỹ C) đem ma túy đến phòng trọ của C tại ấp 1, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương bán cho Lê Văn M, Phan Thanh T sử dụng. Bị cáo Đặng Mỹ C có hành vi giúp sức cho Đặng Diệu H bán ma túy cho từ 02 người trở lên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Đặng Mỹ C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Mỹ C là nguy hiểm cho xã hội. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của nhà nước. Ma túy không chỉ hủy hoại sức khỏe con người mà còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm, tệ nạn xã hội khác. Do đó, hành vi giúp sức mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là hết sức nguy hiểm, không những xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của nhà nước đối với chất ma túy mà còn ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là trái pháp luật, khi bị phát hiện sẽ bị trừng trị một cách nghiêm khắc nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm cho thấy bị cáo bất chấp hậu quả và xem thường pháp luật. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Tòa án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt 07 (bảy) năm tù là tương xứng với mức độ, tính chất của hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Đặng Mỹ C kháng cáo kêu oan nhưng không cung cấp được tình tiết nào mới để chứng minh bị cáo không phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 30/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã không xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp vì cho rằng “đã giải quyết xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương”. Tuy nhiên, theo nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 08/3/2019 lại không xử lý mà giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tạm giữ điều tra, xử lý gồm:

01 xe mô tô biển số 60S5-6080, số máy: FMH-4C105312, số khung: M4UM-005404, nhãn hiệu VICTORY, màu sơn: Xanh trắng, số loại: C110, dung tích: (không kiểm tra tình trạng bên trong máy) và Giấy chứng nhận đăng ký xe 60S5-6080.

01 xe mô tô 60M9-4793, số máy: FMG 00013405, số khung: 013PD 013405, nhãn hiệu ORIENTAL, màu sơn: Nâu, số loại: C100, dung tích: 97 (không kiểm tra tình trạng bên trong máy).

01 xe mô tô biển số 61L4-2625, số máy: V340713, số khung: 000713, nhãn hiệu SUNRISE, màu sơn: Đỏ đen, số loại: C110, dung tích: 107 (không kiểm tra tình trạng bên trong máy) và giấy chứng nhận đăng ký xe 61L4-2625.

01 xe mô tô biển số 60F1-34701, số máy: 508501, số khung: 208766, nhãn hiệu SUZUKI, màu sơn: Đen đỏ, số loại: C110, dung tích: 109 (không kiểm tra tình trạng bên trong máy).

01 điện thoại di động i6 màu vàng loại cảm ứng, bị bể màn hình, bể camera trước và sau (Không kiểm tra tình trạng bên trong máy), 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe 61E1-09372, 01 sổ hộ khẩu photocopy tên Tiết Minh S, 01 giấy trích lục khai sinh tên Đặng Mỹ C, 01 bộ hồ sơ xin việc (Đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, đơn xác nhận hạnh kiểm) tên Đặng Mỹ C, 04 tấm hình (3x4)cm của Đặng Mỹ C.

Việc xử lý vật chứng như trên là còn mâu thuẫn, chưa triệt để theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, Quyết định chuyển vật chứng (bút lục số 434) và Biên bản giao nhận vật chứng (bút lục số 436) có sự khác nhau về tài sản chuyển giao cần phải được làm rõ. Do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố nên Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ để điều tra lại theo thủ tục chung về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương và người bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp một phần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Do bản án bị hủy một phần nên bị cáo không phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 358 và Điều 360 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Mỹ C; giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 30/8/2019 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với bị cáo Đặng Mỹ C.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Mỹ C 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2019/HS-ST ngày 30/8/2019 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

3. Giao hồ sơ vụ án về Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương để điều tra lại theo thủ tục chung.

4. Án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đặng Mỹ C không phải nộp.

5. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- TAND huyện B;	2
- VKSND huyện B;	1
- Chi cục THADS huyện B;	1
- Phòng PV06 - Công an tỉnh BD;	1
- Công an huyện B;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Bị cáo.	1
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS.	3

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Quân Vương